

Số: 49/2018/QĐST - HNGĐ

Hà Trung, ngày 02 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị Hà M, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu X, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở: Tiểu khu Y, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Đinh Xuân T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà A, đường TDT, tiểu khu Y, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

Ông Đinh Xuân H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số nhà 08, đường Tôn Đức Thắng, tiểu khu 5, thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 6; khoản 7 Điều 26, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/6/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trịnh Thị Hà M và anh Đinh Xuân T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Hà M và anh Đinh Xuân T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Yên N sinh ngày 14/02/2017 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng

1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2018.

Anh T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Chị M, anh T, ông H tự thương lượng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị M, anh T thỏa thuận, chị M chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp là 3.425.000đ (*Ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung theo biên lai thu số AA/2017/0000202 ngày 07/5/2018. Trả lại cho chị M 3.125.000đ (*Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt